TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2022
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hiếu
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Thái
Bà Lều Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 18-02-2022 về việc "Yêu cầu ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-4-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Lan T, sinh năm 1991. Địa chỉ: đường H, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

Bị đơn: Ông CHEN HUA T, sinh năm 1964. Địa chỉ: khóm 9, phường T, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người đại diện ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của ông Chen Hua T: Ông Châu Ngọc B, sinh năm 1978; địa chỉ: đường M, Phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tại Tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Lan T trình bày:

Năm 2018, bà T quen biết ông Chen Hua T qua người quen giới thiệu, hai bên tìm hiểu, nảy sinh tình cảm yêu thương, đến ngày 03-4-2019 thì quyết định tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 03-4-2019. Sau khi kết hôn, bà T và ông Chen Hua T sống chung vợ chồng được một thời gian, sau đó ông Chen về Đài Loan làm việc, bà T vẫn tiếp tục sinh sống ở Việt Nam. Thời gian đầu, ông Chen Hua T thi thoảng có về Việt Nam thăm bà T, hai bên vẫn giữ liên lạc, điện thoại với nhau. Tuy nhiên, thời gian sau này, bà T và ông Chen Hua T thường xuyên mâu thuẫn, chủ yếu do không thể thực hiện thủ tục bảo lãnh để vợ chồng đoàn tụ, thời gian tìm hiểu, sống chung quá ngắn nên nhiều khác biệt về lối sống, bất

đồng quan điểm. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có nên làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Chen Hua T.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chen Hua T trình bày:

Theo "Giấy đồng ý ly hôn" của ông Chen Hua T được hợp pháp hoá lãnh sự ngày 05-7-2021, ông Chen Hua T thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà T trình bày. Cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn vì khoảng cách địa lý xa xôi, không thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, tính tình không hợp, hai bên thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Nay thấy không còn tình cảm với bà T nên đồng ý ly hôn; về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ở xa nên ông Chen Hua T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Ông Chen Hua T ủy quyền cho ông Châu Ngọc B (sinh năm 1978; địa chỉ: đường M, Phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh) nhận các văn bản tố tụng (bản án, quyết định) của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị Lan T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với ông Chen Hua T. Ông Chen Hua T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Ông Chen Hua T đã có đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Chen là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Chen Hua T vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Chen Hua T cũng đồng ý với việc yêu cầu ly hôn của bà T. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; con chung: không có; tài sản chung và nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn ông Chen Hua T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có giấy đồng ý ly hôn và xin xét xử, giải quyết vắng mặt (được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 05-7-2021). Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Chen, sự vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án.

2. Về nội dung: bà Dương Thị Lan T và ông Chen Hua T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 03-4-2019. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông Chen Hua T là hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh

phúc, tuy nhiên, càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do khoảng cách địa lý xa xôi, không thể đoàn tụ vợ chồng, bất đồng quan điểm sống. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Chen Hua T.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà T thì ông Chen Hua T đã có văn bản đồng ý ly hôn và xin xét xử, giải quyết vắng mặt (được hợp pháp hóa lãnh sự tại Sở ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh ngày 05-7-2021). Theo đơn, ông Chen thống nhất về quan hệ hôn nhân như bà T trình bày; đồng thời đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Chen Hua T và bà T được ly hôn vì cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật, mâu thuẫn trong thời gian dài, cuộc sống mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà T yêu cầu ly hôn, ông Chen cũng đồng ý; như vậy bà T yêu cầu ly hôn với ông Chen Hua T là có căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy dịnh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị Lan T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Lan T đối với ông Chen Hua .

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Lan T được ly hôn với ông Chen Hua T.

[1.2] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Thị Lan T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0000127 ngày 19-01-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, bà T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Lan T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Chen Hua T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BRVT;
- Cục THA tỉnh BRVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,Tòa DS.

Nguyễn Thành Hiếu